

**Week 04- Grade 7**  
**Unit 2: Personal Information**  
Section B. My birthday  
Period 10: B4

**\* Vocabulary:**

Number	Words	Meanings
1	Birthday = date of birth (n)	Ngày sinh
2	Nervous (adj)	Lo lắng, hồi hộp
3	You'll = You will	Bạn sẽ

**Phần answer : B4 (p.25)**

- a. She is thirteen now.
- b. She is will be 14 on her next birthday
- c. It is on eighth of June
- d. She lives with her uncle and aunt
- e. She is worried because she doesn't have any friends

**\* Remember:**

*Future tense ( tương lai đơn)*

<b>S + will + V ( bare) ( review)</b>
---------------------------------------

E.g. You **'ll have** lots of new friends soon.

**Homework:**

Learn Vocabulary and Remember by heart.

**Phương pháp học:**

- Từ vựng: Các em học từ vựng bằng cách đọc nó nhiều lần và viết ra giấy nháp nhiều lần từ tiếng anh và nghĩa tiếng việt cho đến khi nào thuộc. Nếu quên cách đọc hoặc không biết đọc từ đó thì tra từ điển hoặc trên google dịch.
- Cấu trúc câu: ôn lại thì tương lai đơn cho thuộc và làm bài tập.

**Exercises:**

**\* MULTIPLE CHOICE:**

- 1- The telephone \_\_\_\_\_ gives people's names, addresses and telephone numbers. ( list, directory, dictionary)
- 2- \_\_\_\_\_ 's your telephone number ? - 8765432.( What, How, Where )
- 3- What's your \_\_\_\_\_ ? – May 5<sup>th</sup> . ( date of birth, birthday , birth date )
- 4- I'm sorry . Mary isn't in at the moment. Can you \_\_\_\_\_ back later? ( call, say, speak)
- 5- I'd like to have your \_\_\_\_\_ . OK. 98765432. ( phone, mobile phone, address, telephone number )
- 6- She is a new student , so she is \_\_\_\_\_. ( nervous, nice, sure)
- 7- Which is the \_\_\_\_\_ month of the year? – March. ( three, third, fifth)
- 8- Which is the ninth month of the year ? - \_\_\_\_\_. ( September , November, February)
- 9- Her birthday is on the \_\_\_\_\_ of July. ( twelve, twelfth, twelveth)
- 10- The phone is ringing. – I'll \_\_\_\_\_ it. ( open, answer , listen)